TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 06/2023/KDTM-ST
Ngày 22/02/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng Tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2014/KDTM-ST ngày 07/07/2014 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 (gọi tắt là Ngân hàng). Trụ sở đường N.Đ.C, phường V.T.S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền,* ông Đ.N.Đ (văn bản ủy quyền số 43/QĐ-NHNo BT-TH ngày 04/02/2021) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH TMDV KL (gọi tắt là công ty K.L). Trụ sở đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật,* bà N.T.B.T – Giám đốc. Cư trú đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà L.T.K.L, sinh năm 1966. Cư trú đường T.Đ, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2 Bà K.T.K, sinh năm 1944. Cư trú đường T.Đ, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K.T.K, ông H.T.Đ là Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đường N.T.P, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.3 (i) Ông L.T.T sinh năm 1968; (ii) Ông L.T.P sinh năm 1970; (iii) Bà L.T.K.H sinh năm 1972, chồng ông V.T.T sinh năm 1976, con L.T.P.U, sinh năm 2005 và V.N.P.N, sinh năm 2007 (Bà L.T.K.H là mẹ làm đại diện hợp pháp); (iv) Ông LTP sinh năm 1974, vợ LTD sinh năm 1989, con LLHC sinh năm 2015 và LLĐKsinh năm 2019 (Ông LTP là cha làm đại diện hợp pháp); (v) Ông L.T.T sinh năm 1976; (vi) Bà T.T.T.T sinh năm 1975, con L.H.Q sinh năm 2008 (Bà T.T.T.T là mẹ làm đại diện hợp pháp); Cùng cư trú đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt).

3.4 Bà T.T.K.L, sinh năm 1966. Cư trú đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (chết ngày 10/02/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngân hàng trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 02/06/2014: Ngân hàng và công ty K.L có ký hợp đồng tín dụng số 1920-LAV-2010.00512/HĐTD ngày 25/08/2010: Số tiền vay 5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh dược phẩm, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Hình thức bảo đảm tiền vay, bà K.T.K thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đường T.Đ, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4495/2003 do UBND quận 4, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/07/2009 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của công ty K.L. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/08/2010, số công chứng số 024899, quyển số 8 đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010.

Ngày 29/08/2011, là ngày phải thanh toán theo thỏa thuận nhưng công ty K.L vẫn không trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo quy định của hợp đồng. Hiện nay dư nợ gốc là 5 tỷ đồng, toàn bộ dư nợ đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

1.2 Tại bản tự khai ngày 04/02/2021 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/02/2021: Đến nay số tiền lãi phát sinh là 9.840.520.833 đồng, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 14.840.520.833 đồng. Nếu công ty K.L không thanh toán thì yêu cầu tòa án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

1.3 Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/09/2022: Tính đến nay, số tiền nợ gốc là 5 tỷ đồng; Lãi theo hợp đồng là 7.697.465.754 đồng; Lãi phạt quá hạn là 3.485.239.726. Như vậy, tổng số tiền lãi là 11.182.705.480 đồng, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 16.181.705.480 đồng. Nếu công ty K.L không thanh toán thì yêu cầu tòa án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tuy nhiên, theo yêu cầu của bà K.T.K, ngân hàng đã xem xét miễn, giảm một phần tiền lãi. Cụ thể là, ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan trả được 11 tỷ thì ngân hàng tất toán toàn bộ khoản nợ và không thu hồi phần lãi còn lại chưa thanh toán. Hết ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan không trả được 11 tỷ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

1.4 Tại phiên tòa: Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc công ty K.L phải thanh toán khoản nợ quá hạn, bao gồm nợ gốc và lãi, phí phát sinh. Cụ thể là:

- Từ ngày 27/08/2010 đến ngày 27/08/2011 (366 ngày), nợ gốc tính lãi 5 tỷ đồng, lãi suất trong hạn 14,5%, tiền lãi trong hạn 726,986,301 đồng.

- Từ ngày 28/08/2011 đến ngày 30/06/2013 (673 ngày), nợ gốc tính lãi 5 tỷ đồng, lãi suất trong hạn 14,5%, quá hạn 7.3%, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất trong hạn trong thời gian quá hạn 1.336.780.822 đồng, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất quá hạn 668.390.411 đồng.

- Từ ngày 01/07/2013 đến ngày 18/03/2015 (626 ngày), nợ gốc tính lãi 5 tỷ đồng, lãi suất trong hạn 13,0%, quá hạn 6.5%, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất trong hạn trong thời gian quá hạn 1.114.784.521 đồng, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất quá hạn 557.397.260 đồng.

- Từ ngày 19/03/2015 đến ngày 27/12/2022 (2841 ngày), nợ gốc tính lãi 5 tỷ đồng, lãi suất trong hạn 12,0%, quá hạn 6.0%, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất trong hạn trong thời gian quá hạn 4.670.136.986 đồng, tiền lãi quá hạn tính theo lãi suất quá hạn 2.335.068.493 đồng.

Như vậy, tổng số tiền phải trả là 16.409.554.794 đồng (Trong đó, nợ gốc là 5.000.000.0000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 7.848.698.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.560.856.164 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp công ty K.L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì yêu cầu được phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

2. Công ty K.L, bà N.T.B.T - giám đốc, người đại diện theo pháp luật trình bày:

2.1 Tại bản tự khai ngày 05/04/2017: Bà là người đại diện theo pháp luật của công ty K.L, tính đến nay công ty chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản, công ty không còn hoạt động cách đây 04 năm. Riêng bà với tư cách cá nhân cũng như tư cách đại diện pháp luật, bà chưa có trả cho ngân hàng khoảng vốn, lãi nào. Đối với số tiền nợ bà sẽ cố gắng xác định lại số nợ, cũng như phương án trả nợ.

2.2 Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 18/04/2017: Bà xác nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng ngày 25/08/2010 và trong hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 ngày 25/08/2010 đúng là của bà. Nay bà đề nghị ngân hàng cho khoảng thời gian 01 tháng để bà sắp xếp lại công việc, tìm ra phương án thanh toán cho ngân hàng. Nếu quá 01 tháng mà công ty K.L không có phương án trả nợ cho ngân hàng thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị ngân hàng xem xét giảm bớt tiền lãi quá hạn để công ty K.L có điều kiện thanh toán nợ.

2.3 Tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/02/2021: Bà là người đại diện theo pháp luật của công ty K.L, nhưng giao dịch và hoạt động do mẹ bà là bà T.T.K.L, bà chưa từng trực tiếp giao dịch với các cá nhân, tổ chức.

2.4 Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/09/2022, cũng như tại phiên tòa công ty K.L, bà N.T.B.T là giám đốc, người đại diện theo pháp luật vắng mặt.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà K.T.K trình bày:

(i) Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 18/04/2017, bà không có sử dụng khoản tiền nào do công ty K.L vay của ngân hàng, bà đề nghị ngân hàng cho công ty K.L thời gian cũng như cơ hội để tìm ra phương án giải quyết. Bà sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ công ty K.L giải quyết vụ án.

(ii) Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/09/2022, bà thống nhất và đồng ý với phương án của ngân hàng, ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan trả được 11 tỷ thì ngân hàng tất toán toàn bộ khoản nợ và không thu hồi phần lãi còn lại chưa thanh toán. Hết ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan không trả được 11 tỷ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Bà không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, triệu tập những người tham gia tố tụng khác.

(iii) Tại phiên tòa: Bà đồng ý xét xử vắng mặt ông H.T.Đ là Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị ngân hàng giảm tiền lãi.

3.2 Bà L.T.K.L trình bày:

(i) Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 18/04/2017, bà vẫn giữ nguyên các ý kiến trước đây đã trình bày, bà và bà L là bạn thân thiết, một phần do bà L nói sẽ giới thiệu ngân hàng đến thuê nhà làm trụ sở nên gia đình mới cho bà L mượn giấy tờ nhà đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà yêu cầu công ty K.L có phương án trả nợ.

(ii) Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/09/2022, bà thống nhất và đồng ý với phương án của ngân hàng, ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan trả được 11 tỷ thì ngân hàng tất toán toàn bộ khoản nợ và không thu hồi phần lãi còn lại chưa thanh toán. Hết ngày 27/09/2022 bị đơn hoặc người có nghĩa vụ liên quan không trả được 11 tỷ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Bà không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, triệu tập những người tham gia tố tụng khác.

(iii) Tại phiên tòa: Bà vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

3.3 (i) Ông L.T.T sinh năm 1968; (ii) Ông L.T.P sinh năm 1970; (iii) Bà L.T.K.H sinh năm 1972, chồng ông V.T.T sinh năm 1976, con L.T.P.U, sinh năm 2005 và V.N.P.N, sinh năm 2007 (Bà L.T.K.H là mẹ làm đại diện hợp pháp); (iv) Ông L.T.P sinh năm 1974, vợ L.T.D sinh năm 1989, con L.L.H.C sinh năm 2015

và L.L.Đ.K sinh năm 2019 (Ông L.T.P là cha làm đại diện hợp pháp); (v) Ông L.T.T sinh năm 1976; (vi) Bà T.T.T.T sinh năm 1975, con L.H.Q sinh năm 2008 (Bà T.T.T.T là mẹ làm đại diện hợp pháp); Cùng cư trú đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh đều không có ý kiến gì và có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Các tài liệu, chứng cứ liên quan

(i) Hợp đồng tín dụng 1920-LCP-201000472/TC-BL ký ngày 25/08/2010; (ii) Hợp đồng thế chấp ngày 25/08/2010; (iii) Đăng ký thế chấp số 1619 ngày 26/08/2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 0309468178. (iv) Điều lệ Công ty TNHH TMDV KL. (v) Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 16/06/2010. (vi) Giấy ủy quyền ngày 20/08/2010.

5. Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

5.1 Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

5.2 Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của cgân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I. Về tố tụng

1. Công ty K.L có trụ sở tại số 247A, đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm b, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ công ty K.L, bà N.T.B.T, ông H.T.Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng công ty K.L, bà N.T.B.T, ông H.T.Đ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa công ty K.L, bà N.T.B.T, ông H.T.Đ đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt công ty K.L, bà N.T.B.T, ông H.T.Đ theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. (i) Ông L.T.T sinh năm 1968; (ii) Ông L.T.P sinh năm 1970; (iii) Bà L.T.K.H sinh năm 1972, chồng ông V.T.T sinh năm 1976, con L.T.P.U, sinh năm 2005 và V.N.P.N, sinh năm 2007 (Bà L.T.K.H là mẹ làm đại diện hợp pháp); (iv) Ông L.T.P sinh năm 1974, vợ L.T.D sinh năm 1989, con L.L.H.C sinh năm 2015 và L.L.Đ.K sinh năm 2019 (Ông L.T.P là cha làm đại diện hợp pháp); (v) Ông L.T.T sinh năm 1976; (vi) Bà T.T.T.T sinh năm 1975, con L.H.Q sinh năm 2008

(Bà T.T.T.T là mẹ làm đại diện hợp pháp); Cùng cư trú đường T.Đ, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu vắng mặt), do đó tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Xét yêu cầu của ngân hàng buộc công ty K.L phải trả cho ngân hàng tổng số tiền là 16.409.554.794 đồng (Trong đó, nợ gốc là 5.000.000.0000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 7.848.698.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.560.856.164 đồng). Trường hợp công ty K.L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì yêu cầu được phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ:

(i) Hợp đồng tín dụng số 1920-LCP-201000472/TC-BL ký ngày 25/08/2010.

(ii) Giấy ủy quyền ngày 20/08/2010 có nội dung *"Công ty TNHH TMDV KL do bà N.T.B.T là giám đốc, ủy quyền cho bà Trần Thị K.L thay mặt và nhân danh bà N.T.B.T ký kết các hợp đồng thế chấp, tín dụng, vay vốn và giao dịch với ngân hàng, phòng công chứng và các đối tác kinh doanh. Bao gồm các công việc sau: Làm thủ tục vay vốn, rút tiền mặt, ký khế ước, ủy nhiệm chi, mở tài khoản ngân hàng. Bà Trần Thị K.L có nghĩa vụ ký tên trên các giấy tờ liên quan, thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo pháp luật quy định có liên quan đến các hành vi được ủy quyền nêu trên"*

(iii) Giấy lĩnh tiền mặt ngày 26/08/2010

(iv) Hợp hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010.

(v) Sự trình bày của ngân hàng, của công ty K.L, của bà K.T.K và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định công ty K.L còn nợ ngân hàng tính đến ngày 27/12/2022 tổng số tiền là 16.409.554.794 đồng (Trong đó, nợ gốc là 5.000.000.0000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 7.848.698.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.560.856.164 đồng).

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010. Căn cứ kết quả giám định số 2067/C54B ngày 21/10/2014 xác định chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của bà K.T.K và bà cũng đã thừa nhận và không yêu cầu giám định lại và tại phiên tòa bà cũng xác định lại là bà có ký hợp đồng thế chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà K.T.K đã đứng ra bảo lãnh cho công ty K.L để vay tiền ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005 *"Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ thay*

cho bên được bảo lãnh, mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh" nên yêu cầu của ngân hàng được phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp công ty K.L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho ngân hàng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp công ty K.L trả hết số tiền nợ, thì ngân hàng phải trả lại tài sản thế chấp.

2. Xét yêu cầu của bà K.T.K đề nghị ngân hàng giảm tiền lãi, tuy nhiên yêu cầu của bà không được ngân hàng đồng ý, nên hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận, bởi vì hội đồng xét xử chỉ ghi nhận khi có sự thỏa thuận của các bên.

3. Do yêu cầu của ngân hàng được hội đồng xét xử chấp nhận nên công ty K.L phải nộp án phí trên số tiền phải trả là 16.409.554.794 đồng, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng đã nộp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ:

Một: Điều 103 khoản 2 Hiến Pháp năm 2013 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm".*

Hai: Điều 12 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự, Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, việc giải quyết việc dân sự của Thẩm phán dưới bất kỳ hình thức nào".*

Ba: Điều 9 Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật".*

Bốn: Điều 3 Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán Việt Nam số 87/QĐ-HĐTC do Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia ban hành ngày 04/07/2018 quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết vụ việc, chứng cứ và chỉ tuân theo pháp luật; giữ gìn bản lĩnh nghề nghiệp để không bị tác động từ bất kỳ sự can thiệp nào. Thẩm phán phải độc lập với các thành viên của hội đồng xét xử, độc lập với những người tiến hành tố tụng khác, độc lập với các yếu tố tác động từ bên trong nội bộ và bên ngoài tòa án".*

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 74 khoản 4, điều 186, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 244, điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342, điều 343, điều 351 khoản 7, điều 355, điều 715, điều 716, điều 721 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Điều 91 khoản 2 luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật thi hành

án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/08/2016 và công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

1.1 Công ty TNHH TMDV KL phải trả cho Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 tổng số tiền là 16.409.554.794 (Mười sáu tỷ bốn trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi bốn) đồng. (Theo đó, nợ gốc là 5.000.000.0000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 7.848.698.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.560.856.164 đồng).

Kể từ ngày 28/12/2022 Công ty TNHH TMDV KL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1920-LCP-201000472/TC-BL ký ngày 25/08/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.2 Trường hợp Công ty TNHH TMDV KL trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 phải trả lại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010.

1.3 Trường hợp Công ty TNHH TMDV KL không trả nợ hoặc trả nợ không thì Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Công ty TNHH TMDV KL phải nộp 124.409.555 (Một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn năm trăm năm mươi năm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.563.000 (Năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/0889 ngày 01/07/2011 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3, bà K.T.K, bà Lê Thị Kim Loan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TANDTPHCM.
- VKSNDQ4
- THADSQ4.
- Đương sự,
- lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TS. Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào lúc 11 giờ ngày 22/02/2023, tại phòng nghị án tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt - Hội thẩm nhân dân
3. Bà Đinh Kim Hoàng - Hội thẩm nhân dân

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2014/KDTM-ST ngày 07/07/2014 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 74 khoản 4, điều 186, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 244, điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342, điều 343, điều 351 khoản 7, điều 355, điều 715, điều 716, điều 721 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Điều 91 khoản 2 luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/08/2016 và công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

1.1 Công ty TNHH TMDV KL phải trả cho Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 tổng số tiền là 16.409.554.794 (Mười sáu tỷ bốn trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi bốn) đồng. (Theo đó, nợ gốc là 5.000.000.0000 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 7.848.698.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.560.856.164 đồng).

Kể từ ngày 28/12/2022 Công ty TNHH TMDV KL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1920-LCP-201000472/TC-BL ký ngày 25/08/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Kết quả biểu quyết 3/3

1.2 Trường hợp Công ty TNHH TMDV KL trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 phải trả lại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010. Kết quả biểu quyết 3/3

1.3 Trường hợp Công ty TNHH TMDV KL không trả nợ hoặc trả nợ không thì Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp chấp tài sản của bên thứ 3 số 1920-LCP-2010.00472/TC-BL ngày 25/08/2010 được công chứng số 024899, quyển số 08 tại phòng công chứng số 1, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp số 1619 tại phòng tài nguyên và môi trường quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/08/2010. Kết quả biểu quyết 3/3

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Công ty TNHH TMDV KL phải nộp 124.409.555 (Một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn năm trăm năm mươi năm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.563.000 (Năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/0889 ngày 01/07/2011 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả biểu quyết 3/3

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng NNPTNTVN , chi nhánh B.T trực thuộc chi nhánh 3, bà K.T.K, bà Lê Thị Kim Loan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét đã đọc lại biên bản và ký tên.